

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 -6- 2020
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cẩm và bà Lê Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về “ Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều L – Sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, bản tự khai nguyên đơn là chị Trần Thị Kiều Loan trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T có tìm hiểu nhau, anh chị tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn anh, chị vào thành phố Hồ Chí

Minh làm ăn một thời gian thì về quê sinh sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; sau đó giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau, sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, sống không hòa hợp. Chị đã cố gắng chịu đựng hàn gắn mâu thuẫn trong hôn nhân, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không có hướng khắc phục; nhất là sau khi chị sinh con thì anh T thiếu sự quan tâm đến vợ, con. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 12/2013 cho đến nay, phần ai người nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 05/12/2013; hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị yêu không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải để Tòa án động viên anh chị đoàn tụ chung sống.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kiều L, cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Trần Thùy T1 – sinh ngày 05/12/2013 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 20/02/2020 chị Trần Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T có cư trú tại tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 25 tháng 02 năm 2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc; sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng trong quan điểm sống và sống không hòa hợp; anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2013 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Trần Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thùy T1 – sinh ngày 05/12/2013; hiện con chung đang sống với chị L. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ anh T vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng và người cha. Mặt khác, cháu T1 là con gái, đang trong giai đoạn hình thành nhân cách và tâm sinh lý. Để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở và sự phát triển toàn vẹn của cháu, Hội đồng xét xử nghị nên giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Trần Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 01 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thùy T1 – sinh ngày 05/12/2013 cho chị Loan trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ số tiền tạm phí chị L đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số AA/2018/0002805 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Sang

